TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ THỦ ĐỨC** **T PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 4759/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/12/2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ THỦ ĐỨC – T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trường Giang- Thư ký Toà án nhân dân T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1464/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7038/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7530/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: đường số B, khu phố M, phường LX, T phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: đường số B, khu phố M, phường LX, T phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/6/2023; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau đến năm 2019 tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và ngày 25/12/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Long, huyện Châu T , tỉnh Bến Tre;

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đã chuyển ra khỏi nhà sống từ ngày 18/5/2023 đến ngày 08/6/2023, anh T quay về nhà trong tình trạng say xỉn đánh đập, chửi mắng, sỉ nhục chị và còn lấy dao hăm dọa chị; tiếp đến ngày 22/6/2023, anh T lại tiếp tục đánh chị vào trán làm chị bị thương (sưng và bầm tím). Chị sống ly thân với anh T từ tháng 06/2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng hiện nay chị dành cho anh T không còn. Chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T để chị ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Oanh không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Kiều O vắng mặt, do có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn anh Nguyễn Minh T;

+ Về con chung: Không có;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều O, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn theo yêu cầu một bên, bị đơn là anh Nguyễn Minh T cư trú tại địa chỉ: 13/33/11A đường số 4, khu phố 3, phường Linh Xuân, T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; xét đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Minh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Long, huyện Châu T , tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/12/2019;

Căn cứ vào đơn yêu cầu xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O, Hội đồng xét xử xác định quan hệ vợ chồng giữa chị Oanh và anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chửi mắng và có hành vi bạo lực gia đình với chị Oanh. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Minh T thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do thể hiện anh T không có mong muốn hòa giải đoàn tụ, không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Oanh;

Về con chung: Không có;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Oanh phải chịu toàn bộ số tiền án phí HNST số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn anh Nguyễn Minh T;

(Giấy chứng nhận kết hôn số 67 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Long, huyện Châu T , tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/12/2019 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Không có;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0003892 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí HNST.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND Tp. HCM (1);
- VKSND TP. Thủ Đức (2);
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức; (1);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.